TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI
Bản án số: 22/2021/HSST
Ngày: 11/3/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trịnh Xuân Tháp
2. Ông Huỳnh Bình
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 11/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Vĩnh Cửu, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2021/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HS ngày 22/02/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Q**, Sinh năm 1987; Giới tính: Nam; tại tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi thường trú: thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú: K5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Họ tên cha: Nguyễn Văn N, sinh năm 1958; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, bị cáo là thứ ba trong gia đình; Họ tên vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Trú tại: ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960 (có mặt).
Trú tại: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Trú tại: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 03/2020 đến tháng 9/2020, Nguyễn Văn Q đến địa bàn xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai cho người dân vay tiền với hình thức trả góp theo ngày, lãi suất dao động từ 504% - 900%/năm, cao hơn từ 25,2 đến 45 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự hiện hành. Nguyễn Văn Q cho 03 người vay với tổng số tiền cho vay là 390.000.000 đồng, Q thu được tiền lãi 70.400.000 đồng, trong đó lãi tính theo quy định của pháp luật (tức là lãi suất 20%/năm của khoản tiền vay theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự) là 2.023.000 đồng, thu lợi bất chính 68.377.000 đồng, cụ thể những người vay tiền của Q như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Y, sinh năm 1972, ngụ ấp 2, xã T:

Khoảng tháng 3/2020, Q thỏa thuận cho bà Y vay 20.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.000.000 trong thời hạn 25 ngày. Q quy định thu phí vay 10% tương ứng 2.000.000 đồng, thu trước tiền góp 01 ngày là 1.000.000 đồng. Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho bà Y vay là 17.000.000 đồng, bà Y còn trả góp 24 ngày. Tổng số tiền bà Y phải trả cho Q là 25.000.000 đồng, Q thu lợi 7.000.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 504%/năm, gấp 25,2 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Đến tháng 8/2020, bà Y tiếp tục vay của Q số tiền 20.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.000.000 đồng trong thời hạn 25 ngày. Hình thức vay và lãi suất như lần trước. Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho bà Y vay là 17.000.000 đồng, bà Y còn trả góp 24 ngày Tuy nhiên, bà Y mới góp được 07 ngày với số tiền 7.000.000 đồng thì sự việc bị ngăn chặn. Trong lần cho vay này Q chưa có lãi, không thu lợi bất chính. Bà Y còn nợ 10.000.000 đồng tiền gốc.

Trong lần vay đầu, Q thu lãi 7.000.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay 20.000.000 đồng trong 25 ngày là 278.000 đồng, Q thu lợi bất chính 6.722.000 đồng.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1960, ngụ ấp B, xã T:

Khoảng tháng 5/2020, Q thỏa thuận cho bà H vay 20.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.200.000 đồng trong thời hạn 22 ngày, Q quy định thu phí vay 10% tương ứng 2.000.000 đồng, thu trước tiền góp 02 ngày là 2.400.000 đồng. Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho bà H vay là 15.600.000 đồng, bà H còn trả góp 20 ngày. Tổng số tiền bà H phải trả cho Q là 26.400.000 đồng, Q thu lợi 8.400.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 687%/năm, gấp 34,35 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Sau khi vay lần đầu được 08 ngày, bà H trả cho Q 9.600.000 đồng thì bà H đáo hạn, tiếp tục vay của Q 50.000.000 đồng, trả trong thời hạn 22 ngày và mỗi ngày trả góp 3.000.000 đồng. Q khấu trừ phí tiền vay 1.500.000 đồng, trả góp trước 01 ngày 3.000.000 đồng và trừ hết số tiền bà H còn nợ Q trong lần vay trước là 14.400.000 đồng. Q chuyển cho bà H 31.100.000 đồng và bà H tiếp tục trả góp trong thời hạn 21 ngày với số tiền 63.000.000 đồng. Q thu lợi là 17.500.000 đồng, tương ứng lãi suất cho vay 572%/năm, gấp 28,6 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Sau khi vay lần 2 được 05 ngày, bà H trả cho Q 15.000.000 đồng thì bà H đáo hạn, tiếp tục vay Q 100.000.000 đồng, trả trong thời hạn 22 ngày và mỗi ngày trả góp 6.000.000 đồng. Q khấu trừ tiền trả góp trước 01 ngày 6.000.000 đồng và trừ hết số tiền bà H còn nợ Q trong lần vay trước là 48.000.000 đồng. Q chuyển cho bà H 46.000.000 đồng và bà H tiếp tục trả góp trong thời hạn 21 ngày với số tiền 126.000.000 đồng. Bà H trả góp cho Q được 40.000.000 đồng thì không còn khả năng trả tiếp. Ngày 05/9/2020, Q đến nhà bà H đòi nợ, bà H cam kết trả cho Q thêm 60.000.000 đồng để hoàn tất việc trả nợ. Hai bên đang tiến hành giao dịch thì bị lực lượng Công an phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Lần này Q thu lợi 6.000.000 đồng, tương ứng lãi suất cho vay 98%/năm, không thu lợi bất chính.

Trong lần vay đầu và lần vay thứ 2 được tất toán khi đáo hạn, Q thu lợi 25.900.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay 20.000.000 đồng trong 22 ngày là 245.000 đồng; đối với khoản vay 50.000.000 là 611.000 đồng, Q thu lợi bất chính 25.044.000 đồng.

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984, ngụ ấp B, xã T:

Khoảng tháng 6/2020, Q thỏa thuận cho chị T vay 30.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 2.100.000 đồng trong thời hạn 20 ngày, Q quy định thu phí vay 10% tương ứng 3.000.000 đồng, thu trước tiền góp 02 ngày là 4.200.000 đồng. Sau đó Q chuyển giao số tiền thực tế cho chị T vay là 22.800.000 đồng, chị T còn trả góp 18 ngày. Tổng số tiền chị T phải trả cho Q là 42.000.000 đồng, Q thu lợi 15.000.000 đồng tương ứng lãi suất cho vay là 900%/năm, gấp 45 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Sau khi vay lần đầu được 05 ngày, chị T trả cho Q 10.500.000 đồng thì chị T đáo hạn, tiếp tục vay của Q 50.000.000 đồng, trả trong thời hạn 20 ngày và mỗi ngày trả góp 3.500.000 đồng. Q khấu trừ phí tiền vay 2.500.000 đồng, trả góp trước 02 ngày 7.000.000 đồng và trừ hết số tiền chị T còn nợ Q trong lần vay trước là 27.300.000 đồng. Q chuyển cho chị T 13.200.000 đồng và chị T tiếp tục trả góp trong thời hạn 18 ngày với số tiền 63.000.000 đồng. Q thu lợi là 22.500.000 đồng, tương ứng lãi suất cho vay 810%/năm, gấp 40,5 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong giao dịch dân sự.

Sau khi vay lần 2 được 02 ngày, chị T trả cho Q 7.000.000 đồng thì chị T đáo hạn, tiếp tục vay Q 100.000.000 đồng, trả trong thời hạn 20 ngày và mỗi ngày trả góp 7.000.000 đồng. Q khấu trừ tiền trả góp trước 02 ngày 14.000.000 đồng và trừ hết số tiền chị T còn nợ Q trong lần vay trước là 56.000.000 đồng. Q chuyển cho chị T 30.000.000 đồng và chị T tiếp tục trả góp trong thời hạn 18 ngày với số tiền 126.000.000 đồng. Chị T trả góp cho Q 01 ngày với số tiền 7.000.000 đồng thì không còn khả năng trả tiếp. Ngày 18/7/2020, gia đình chị T thương lượng trả cho Q số tiền 79.000.000 đồng để hoàn tất việc trả nợ, lần này Q không có lãi, không thu lợi bất chính.

Trong lần vay đầu và lần vay thứ 2 được tất toán khi đáo hạn, Q thu lợi 37.500.000 đồng, lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay 80.000.000 đồng trong 20 ngày là 888.889 đồng, Q thu lợi bất chính 36.611.000 đồng.

Quá trình điều tra, bà Đặng Thị L1, sinh năm 1974, ngụ ấp 1, xã T khai nhận: Khoảng tháng 3/2020, Q thỏa thuận cho bà L1 vay 20.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.200.000 đồng trong thời hạn 22 ngày, Q quy định thu phí vay 0,5% tương ứng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà L1 góp kéo dài khoảng 5 tháng (từ tháng 3 đến tháng 9/2020) được số tiền 20.400.000 đồng thì sự việc bị ngăn chặn. Q thu lợi 1.400.000 đồng, lãi suất 16,7%/năm, không thu lợi bất chính. Bà L1 còn khai trước đó có vay của Q số tiền 10.000.000 đồng, đã trả góp xong cho Q, Q thu lợi 3.700.000 đồng. Quá trình làm việc, Q không thừa nhận nội dung này, mặc khác, hiện nay bà L1 đã bỏ đi khỏi địa phương nên không có cơ sở để tiếp tục làm rõ, chưa đủ căn cứ để xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý về hành vi cho vay lãi nặng đối với trường hợp này theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, ngày 05/9/2020, tại nhà bà Trần Thị H, ngụ ấp B, xã T, huyện V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu còn bắt quả tang các đối tượng khác đến nhà bà H để thu tiền vay gồm: Nguyễn Minh T1, sinh năm 1995, cư trú tại thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; Đàm Văn C, sinh năm 1992, cư trú tại xóm 1, thôn Q, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; Đỗ Văn Đ, sinh năm 1997, cư trú tại xóm 1, thôn Q, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1988, cư trú tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn Q đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Đại diện viện kiểm sát giữ quyền công tố tại tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Q đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

∗ Việc tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- Thu tại mặt bàn đá trong nhà bà Trần Thị H số tiền 86.000.000 đồng; 01 tờ giấy Vibook có chữ và số ghi 01 mặt; 01 cuốn vở hiệu Vibook.

- Thu trong người Nguyễn Văn Q: Số tiền 10.500.000 đồng, Q khai là tiền mang theo để chi tiêu, ăn uống; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng, Q khai là phương tiện liên lạc cá nhân của Q.

- Thu trong người Đàm Văn C: Số tiền 33.000.000 đồng, C khai là tài sản cá nhân; 01 điện thoại di động hiệu iPhone X màu trắng, C khai là phương tiện liên lạc cá nhân của C. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh C.

- Thu trong người Đỗ Văn Đ: Số tiền 3.000.000 đồng, Đ khai là tiền chi tiêu ăn uống; 01 điện thoại di động hiệu S10+ xanh ngọc; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, Đ khai là phương tiện liên lạc cá nhân của Đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Đ.

- Thu trong người Nguyễn Minh T1: số tiền 18.850.000 đồng, T1 khai là tiền chi tiêu, ăn uống của T1; 01 điện thoại di động hiệu iPhone XSMax, 01 điện

thoại di động hiệu Nokia 105, T1 khai là phương tiện liên lạc cá nhân của T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh T1.

- Thu trên người Nguyễn Văn Q1: số tiền 6.800.000 đồng, Q1 khai là tiền mang theo để chi tiêu, ăn uống; 01 điện thoại di động hiệu iPhone 8 Plus Q1 khai là phương tiện liên lạc cá nhân của Q1. Đang xử lý trong vụ án khác.

- 01 xe mô tô biển số 60B2 - 409.79 do chị Võ Thị Bảo N1, sinh năm 1997, ngụ tại khu phố 3, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Khoảng tháng 6/2020, chị N1 bán lại xe mô tô trên cho Đàm Văn C. Ngày 05/9/2020, C điều khiển xe mô tô trên đến nhà bà H để lấy tiền thì bị bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh C.

- 01 xe mô tô biển số 60B2 - 641.61 do anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1976, ngụ tại khu phố 5, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Khoảng tháng 7/2020, anh Q2 bán lại xe mô tô trên cho Nguyễn Minh T1. Ngày 05/9/2020, T1 điều khiển xe mô tô trên đến nhà bà H để lấy tiền giúp D (không rõ lai lịch) thì bị bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh T1.

- 01 xe mô tô biển số 60B5 - 911.43 do anh Nguyễn Tấn T2, sinh năm 1984, ngụ tại ấp 4, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Khoảng tháng 5/2020, anh T2 bán lại xe mô tô trên cho Đỗ Văn Đ. Ngày 05/9/2020, Đ điều khiển xe mô tô trên đến nhà bà H để lấy tiền thì bị bắt quả tang. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Đ.

- 01 xe mô tô biển số 60F3 - 336.41 do anh Châu Ngọc P, ngụ số 8, khu 4, ấp 1, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đứng tên chủ sở hữu. Khoảng tháng 5/2020, anh P bán lại xe mô tô trên cho Nguyễn Văn Q1. Ngày 05/9/2020, Q1 điều khiển xe mô tô trên đến nhà bà H để lấy tiền thì bị bắt quả tang. Xử lý trong vụ án khác.

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Vĩnh Cửu tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn Q, thu giữ số tiền 27.123.000 đồng và 01 sổ tạm trú đứng tên Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1992, nơi thường trú tại xã V, huyện L, Hà Nam. Qua xác minh, Q chỉ ở nhờ phòng trọ của anh Đ1, sổ tạm trú và số tiền 27.123.000 là tiền của anh Nguyễn Văn Đ1. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Đ1.

* Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020, màu trắng; số tiền 10.500.000 đồng thu trên người Q.

- Đối với số tiền 390.000.000 đồng (bao gồm 60.000.000 đồng trong tổng số 86.000.000 đồng thu tại mặt bàn đá trong nhà bà Trần Thị H) là số tiền gốc cho vay và lãi suất đã thu, được xác định công cụ phương tiện phạm tội và số tiền lãi

tương ứng với mức lãi suất 20% là khoản tiền lãi phát sinh từ tội phạm, nên buộc Q nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Minh Y vay chưa trả cho Q đây là phương tiện phạm tội nên buộc bà Y nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 26.000.000 đồng trong tổng số 86.000.000 đồng thu tại mặt bàn đá trong nhà H, để giải quyết trong vụ án khác.

* Về trách nhiệm dân sự: Viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu căn cứ Điều 463, 468 Bộ luật dân sự tuyên buộc Q trả lại số tiền 68.377.000 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20% cho người vay

Đối với Nguyễn Minh T1: T1 được đối tượng tên D (không rõ lai lịch) nhờ đến nhà bà H thu tiền vay thì sự việc bị phát hiện và ngăn chặn. Quá trình làm việc, bà Trần Thị H tố cáo D cho bà H vay tiền góp 02 lần. D thu lợi được 18.800.000 đồng. Hiện chưa làm việc được với D nên chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định.

Đối với Đàm Văn C và Đỗ Văn Đ: Quá trình điều tra xác định C và Đ có cho vay tiền, tuy nhiên khoản tiền thu lợi bất chính từ việc cho vay dưới 30.000.000 đồng, C và Đ chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Văn Q1: Quá trình điều tra xác định, Q1 cho bà Trần Thị H cùng một số người khác vay tiền với lãi suất cao, thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000 đồng. Do hoạt động cho vay của Q, Q1, C, Đ, D độc lập với nhau nên không đủ cơ sở để xác định các đối tượng đồng phạm trong cùng 1 vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Q1 trong vụ án khác là đúng quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 27/CT-VKSVC ngày 03/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q để xét xử về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1, Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 14 đến 16 tháng cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung 30.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra, thể hiện:

Từ tháng 03/2020 đến tháng 9/2020, Nguyễn Văn Q đã cho Nguyễn Thị Minh Y, Trần Thị H, Nguyễn Thị T vay tiền, với tổng số tiền cho vay là 390.000.000 đồng, lãi suất cho vay dao động từ 504% - 900%/năm (cao hơn từ 25,2 đến 45 lần so với mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự), thu lãi số tiền 70.400.000 đồng, trong đó thu lợi bất chính là 68.377.000 đồng.

[3]. Do vậy, hành vi của bị cáo Q đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Xâm phạm đến lợi ích của công dân. Bị cáo lợi dụng những người có hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện để vay vốn nhà nước nên đã cho họ vay với lãi suất cao gấp nhiều lần nhằm thu lợi cho bản thân. Mặc dù quy định của nhà nước lãi suất không quá 20%/năm nhưng bị cáo cho vay với mức lãi suất từ 504% đến 900%/năm. Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo nhằm mục đích lợi nhuận, nên áp dụng hình phạt tiền cũng đủ nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5]. Xét về nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng: Không có.

[6]. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng:

7.1. Đối với số tiền mà bị cáo Q cho bà H vay 40.000.000 đồng, cho bà Y vay 170.000.000 đồng và bà T vay 180.000.000 đồng tổng cộng là 390.000.000 đồng tiền gốc, nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

7.2. Đối với tiền lãi theo quy định của nhà nước là 20%/năm là (lãi của bà Y là 278.000 đồng, lãi của bà H là 856.000 đồng và lãi của bà T là 888.889 đồng = 2.022.889 đồng đây là tiền lãi phát sinh từ tội phạm mà có, nên tịch thu sung công).

7.3. Đối với số tiền gốc bà Y chưa trả cho bị cáo Q là 10.000.000 đồng, nên buộc bà Y phải nộp số tiền nay để sung công.

7.4. Đối với số tiền 26.000.000 đồng thu trên mặt bàn đá tại nhà bà H, không liên quan đến vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, nhưng hiện tại vụ án Nguyễn Văn Q1 liên quan đến số tiền này, nên tiếp tục giữ lại để phục vụ cho vụ án Nguyễn Văn Q1 tại biên lai thu tiền số 0001977 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

7.5. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A5 2020 màu trắng không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại bị cáo Q.

7.6. Đối với số tiền thu trong người của Nguyễn Văn Q là 10.500.000 đồng, không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

7.7. Tổng số tiền mà bị cáo phải nộp sung quỹ nhà nước là 392.022.889 đồng (390.000.000 đồng tiền gốc + 2.022.889 đồng tiền lãi) được trừ đi số tiền 80.500.000 đồng (gồm thu giữ trong người bị cáo 10.500.000 đồng và số tiền đã thu giữ trên mặt bàn là 60.000.000 đồng và bà Y nộp 10.000.000 đồng) còn lại bị cáo Q phải nộp tiếp số tiền là 311.522.889 đồng.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

8.1. Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của bà Y là 6.722.000 đồng, nên buộc bị cáo Q trả lại bà Y.

8.2. Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của bà H cả 2 lần là 25.044.000 đồng, nên buộc bị cáo Q trả lại bà H.

8.3. Đối với số tiền bị cáo Q thu lợi bất chính của bà T cả 2 lần là 36.611.000 đồng, nên buộc bị cáo Q trả lại bà T.

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận phần phù hợp.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1]. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn Q phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s, khoản 1, Điều 51; của Bộ luật Hình sự. Điều 262; 331; 333; 336; 337 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 60.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải nộp số tiền 311.522.889 đồng để sung công.

- Buộc bà Nguyễn Thị Minh Y phải nộp số tiền 10.000.000 đồng để sung công.

2].Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 26.000.000 của bà H, không liên quan đến vụ án

này, để xem xét giải quyết vụ án Nguyễn Văn Q1, tại biên lai thu tiền số 0001977 ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

- Hoàn trả bị cáo Q 01 điện thoại OPPO A5 2020 màu trắng.

- Bị cáo Q được quyền liên hệ Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu để nhận lại. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3]. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Q phải trả lại cho bà Y số tiền là 6.722.000 đồng.
- Buộc bị cáo Q phải trả lại cho bà H số tiền là 25.044.000 đồng.
- Buộc bị cáo Q phải trả lại cho bà T số tiền là 36.611.000 đồng.

4]. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5]. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bà Y và bà T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận
- Bị cáo, ĐS;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THADS huyện;
- Sở tư pháp;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Trung Chiến